ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Số: 2923/QĐ-XHNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội 7về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính trị học định hướng ứng dụng, mã số ngành: 8310201.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính trị học định hướng ứng dụng ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Khoa học Chính trị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
MÃ SỐ: 8310201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2923/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Chính trị học

+ Tiếng Anh: Political Science

- Mã số ngành đào tạo: 8310201

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Chính trị học

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Political Science

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Chính trị học có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ thạc sĩ, có kiến thức chuyên môn sâu, rộng, hiện đại về chuyên ngành Chính trị học, đáp ứng với nhu cầu của thực tiễn phát triển của đất nước trong điều kiện mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới; có khả năng xử lý, giải quyết các vấn đề chính trị theo yêu cầu công việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông, các trường đại học, viện nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Trang bị cho học viên những kiến thức tương ứng với bậc đào tạo thạc sĩ ngành Chính trị học, đảm bảo tính hiện đại, sâu, rộng và nâng cao so với bậc cử nhân, phù hợp với thực tiễn chính trị-xã hội của đất nước trong điều kiện mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới.

Học viên vận dụng sáng tạo hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học chung, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, các kĩ năng chuyên môn của khoa học chính trị và kĩ năng mềm vào xử lý hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp, các vấn đề liên quan đến chính trị, tư vấn, tham gia hoạch định chính sách.

Có tinh thần thượng tôn pháp luật, thái độ hợp tác, ý thức về lập trường và bản lĩnh chính trị trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1 Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Về văn bằng

Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đều đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức:

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế.

- Ngành phù hợp 2: Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Ngành phù hợp 3: tất cả các ngành khác.

3.3.2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Học phần	Số tín chỉ
Đối tượng ngành phù hợp 2		**15**
I	***Các học phần bắt buộc***	***9***
1	Chính trị học đại cương	3
2	Lịch sử học thuyết chính trị	3
3	Đảng chính trị	3
II	***Các học phần tự chọn***	***6/24***

STT	Học phần	Số tín chỉ
4	Quyền lực chính trị	3
5	Nhập môn Hồ Chí Minh học	3
6	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	3
7	Chính trị và Truyền thông	3
8	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
9	Nhập môn chính trị quốc tế	3
10	Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam	3
11	Văn hóa chính trị Việt Nam	3
Đối tượng ngành phù hợp 3		**25**
I	***Các học phần bắt buộc***	***15***
1	Chính trị học đại cương	3
2	Lịch sử học thuyết chính trị	3
3	Đảng chính trị	3
4	Nhập môn chính trị quốc tế	3
5	Chính trị và Truyền thông	3
II	***Các học phần tự chọn***	***10/36***
6	Quyền lực chính trị	3
7	Nhập môn Hồ Chí Minh học	3
8	Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3
9	Chính sách đối ngoại của Việt Nam	3
10	Chính sách công của Việt Nam	3
11	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
12	Phương pháp viết bài luận và thuyết trình về chính trị	3
13	Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam	3
14	Văn hóa chính trị Việt Nam	3
15	Chính sách đối ngoại của các nước lớn	3
16	Chính trị Việt Nam – Những vấn đề cơ bản	2
17	Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị	2
18	Hệ thống chính trị Việt Nam	2
Tổng cộng		**25**

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 5-10 học viên/1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1: Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

PLO 02: Hệ thống hóa và vận dụng được tri thức chuyên ngành Chính trị học để tham gia giải quyết những vấn đề của hoạt động nghề nghiệp, hoạt động chuyên môn và của thực tiễn chính trị - xã hội.

PLO 03: Khuyến cáo, dự báo dựa trên những tri thức chuyên ngành để tham gia giải quyết những vấn đề chính trị, xã hội.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO 04: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

PLO 05: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

PLO 06: Có kỹ năng chuyên môn Chính trị học để tham gia, tác nghiệp hiệu quả các hoạt động chính trị - xã hội.

PLO 07: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

PLO 08: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 09: Khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác sử dụng các phương pháp và kỹ năng chuyên môn để phát hiện và tham gia giải quyết vấn đề.

PLO 10: Chủ động phát hiện và thực hiện các sáng kiến trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO 11: Có năng lực phát hiện, đưa ra những kết luận, sáng kiến có giá trị mang tính chuyên gia trong xử lý những vấn đề của chính trị - xã hội.

PLO 12: Có khả năng định hướng phát triển kiến thức chuyên môn, kĩ năng thích nghi và có hiệu quả mội trường hoạt động chuyên nghiệp, có tính cạnh tranh cao.

PLO 13: Có khả năng luận chứng, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn đưa ra; có khả năng tự đánh giá và quyết định phương hướng giải quyết công việc.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Chính trị học định hướng ứng dụng có khả năng đảm nhận một số công việc liên quan đến hoạt động quản lí, tư vấn, hoặc chuyên viên tại các cơ quan của Đảng và Nhà nước các cấp, trong các tổ chức vũ trang; các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức kinh tế - xã hội; trong các báo, đài, cơ quan xuất bản ở địa phương hoặc trung ương,...v...v

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người có bằng thạc sĩ ngành Chính trị học định hướng ứng dụng có thể tham gia các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn do cơ sở đào tạo tổ chức; có thể tham gia các hình thức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ khác theo quy định; Có thể tự học tập, nâng cao khả năng nghiên cứu (thông qua việc công bố các công trình khoa học) để có thể tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **65** tín chỉ, trong đó

- Khối kiến thức chung: **09** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **41** tín chỉ
  - + Bắt buộc: 26 tín chỉ
  - + Tự chọn: 15 tín chỉ/ 45 tín chỉ
- Thực tập: **07** tín chỉ
- Học phần tốt nghiệp: **08** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
I	**Khối kiến thức chung**		**9**				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
1	PHI5002	Triết học *Philosophy*	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các thứ tiếng sau):		5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 *English B2*	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 *Russian B2*	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 *Chinese B2*	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 *French B2*	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 *German B2*	5	250	0	0	
II	**Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành**		**41**				
II.1	***Các học phần bắt buộc***		***26***				
3	POL6059	Khoa học chính trị - những vấn đề phương pháp luận *Political science - methodological issues*	3	45	0	105	
4	POL6227	Triết học Chính trị *Political Philosophy*	3	45	0	105	
5	POL6060	Quyền lực chính trị nâng cao *Advanced Political Power*	5	75	0	175	
6	POL6061	Hệ thống chính trị Việt Nam nâng cao *Advanced Vietnamese political system*	5	75	0	175	
7	POL6092	Công tác dân vận *People's mobilization work*	5	75	0	175	
8	POL6093	Phân tích và đánh giá	5	75	0	175	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích luỹ.

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
		chính sách *Policy analysis and evaluation*					
II.2	***Các học phần tự chọn***		***15/45***				
9	POL6094	Bầu cử *Election*	5	75	0	175	
10	POL6095	Phản biện xã hội *Social Criticism*	5	75	0	175	
11	POL6096	Thực hành văn bản chính trị *Practice political writing*	5	75	0	175	
12	POL6097	Phương pháp viết bài luận và thuyết trình chính trị *Methods of writing political essays and presentations*	5	75	0	175	
13	POL6098	Điều tra, thống kê xã hội học *Survey, sociological statistics*	5	75	0	175	
14	POL6099	Nghệ thuật phát biểu trước công chúng *The Art of Public Speaking*	5	75	0	175	
15	POL6100	Công quyền và hành chính công *Public power and public administration*	5	75	0	175	
16	POL6105	Truyền thông chính sách *Policy communication*	5	75	0	175	
17	POL6106	Quy trình, kỹ năng ra quyết định chính trị *Political decision making process and skills*	5	75	0	175	
III	**Thực tập**		**7**				
18	POL6107	Thực tập *Internships*	7	0	0	350	
IV	**Học phần tốt nghiệp**		**8**				
19	POL7205	Đồ án	8	0	0	400	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
		Project					
Tổng cộng			**65**				

***Lưu ý**: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.*

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá